

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 58/2025/HNGĐ-ST

Ngày 18-3-2025

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Mạnh Hùng

Ông Nguyễn Thanh Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Trang Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 347/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị T; nơi ĐKKHKT: Thôn Q, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện tại: Số E, đường T, quận T, thành phố T, Đài Loan; vắng mặt;

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T1; nơi cư trú: Thôn Q, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai (đã được hợp pháp hóa lãnh sự), nguyên đơn là chị Vũ Thị T trình bày:

Chị Vũ Thị T và anh Nguyễn Văn T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng vào ngày 08/7/2011. Quá trình chung sống, thời gian đầu chị T và anh T1 hạnh phúc,

hòa thuận. Đến năm 2018, vì điều kiện gia đình khó khăn nên chị T sang Đài Loan lao động. Thời gian đầu sau khi chị T sang Đài Loan, vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc, tình cảm vợ chồng vẫn đầm ấm, Tuy nhiên đến khoảng cuối năm 2018, đầu năm 2019 giữa vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân xuất phát từ việc vợ chồng xa cách thời gian dài, cộng thêm với việc giữa vợ chồng không thống nhất về quan điểm sống, về việc nuôi dạy con chung. Từ đó vợ chồng không còn thường xuyên liên lạc với nhau nữa, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Giữa vợ chồng và gia đình hai bên đã nhiều lần tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng mâu thuẫn giữa vợ chồng không giải quyết được mà ngược lại mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng.

Chị Vũ Thị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết cho chị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn T1.

Về con chung: Chị Vũ Thị T và anh Nguyễn Văn T1 có hai con chung là Nguyễn Phương L, sinh ngày 16/3/2011 và Nguyễn Thị Thảo N, sinh ngày 27/12/2012. Hiện tại, cả hai con đang sống cùng với bà nội là bà Mai Thị S, cư trú tại thôn Q, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng, do chị T đang lao động ở nước ngoài, còn anh T1 đi làm ở xa. Nay ly hôn, chị T có quan điểm đề nghị Tòa án xem xét giao con chung theo nguyện vọng của các con. Về cấp dưỡng nuôi con, chị T và anh T1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Vũ Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, bị đơn là anh Nguyễn Văn T1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất với lời trình bày của chị T về quan hệ hôn nhân và mâu thuẫn vợ chồng. Nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh Nguyễn Văn T1 đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết cho anh Nguyễn Văn T1 được ly hôn với chị Vũ Thị T.

Về con chung: Anh Nguyễn Văn T1 và chị Vũ Thị T có hai con chung là Nguyễn Phương L, sinh ngày 16/3/2011 và Nguyễn Thị Thảo N, sinh ngày 27/12/2012. Hiện tại do anh đang làm việc ở xa, nên cả hai con chung đang ở với bà nội là bà Mai Thị S. Anh T1 thống nhất quan điểm với chị T về việc giải quyết trách nhiệm nuôi dưỡng con chung cho anh và chị T theo nguyện vọng của các con. Nếu các con đều có nguyện vọng được ở với bố thì anh sẽ nuôi cả hai con chung. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, anh sẽ tự thỏa thuận với chị T, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn có đơn xin vắng mặt. Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng theo quy định tại **Điều 227, Điều 228** và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Vũ Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn T1. Về con chung: Giao hai con chung là Nguyễn Phương L, sinh ngày 16/3/2011 và Nguyễn Thị Thảo N, sinh ngày 27/12/2012 cho anh Nguyễn Văn Trung trực T2 nuôi dưỡng cho đến khi hai con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung và về tài sản chung, chị Vũ Thị T không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết. Ngoài ra đề nghị giải quyết về án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về tố tụng:*

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Vũ Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và con chung với anh Nguyễn Văn T1 nên quan hệ pháp luật là “ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Nguyên đơn là chị Vũ Thị T có nơi đăng ký thường trú tại thành phố Hải Phòng, hiện đang tạm trú tại Đài Loan và bị đơn là anh Nguyễn Văn T1 có nơi cư trú tại thành phố Hải Phòng. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Vũ Thị T và anh Nguyễn Văn T1 vắng mặt nhưng cùng có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:*

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị T và anh Nguyễn Văn T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng vào ngày 08/7/2011. Theo quy định tại Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Quá trình chung sống, chị T và anh T1 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, vợ chồng mỗi người ở một nơi nên tình cảm phai nhạt dần. Đến nay, vợ chồng anh chị đã ly thân, xác định tình cảm vợ chồng không còn. Như vậy, nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, cần áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị T về việc xin ly hôn với anh Nguyễn Văn T1.

[4] Về con chung: Chị Vũ Thị T và anh Nguyễn Văn T1 có hai con chung là Nguyễn Phương L, sinh ngày 16/3/2011 và Nguyễn Thị Thảo N, sinh ngày 27/12/2012, hiện đang ở với bà nội là bà Mai Thị S. Ly hôn, chị T và anh T1 đề nghị Tòa án giao hai con chung theo nguyện vọng của các con. Hai con chung đều có đơn trình bày nguyện vọng muốn được ở với anh T1 nếu anh T1 và chị T ly hôn. Do vậy, cần giao hai con chung cho anh Trung trực T2 nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của con chung và phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con, chị T và anh T1 đã được Tòa án giải thích về việc yêu cầu cấp dưỡng cho con là nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con tuy nhiên anh chị đề nghị được tự thỏa thuận với nhau và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy việc anh chị tự thỏa thuận về cấp dưỡng là tự nguyện, do vậy Tòa án không xem xét, giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung. Nếu chị T và anh T1 có tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con chung thì anh chị có quyền khởi kiện trong vụ án khác.

[5] Về tài sản chung: Chị Vũ Thị T và anh Nguyễn Văn T1 không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí sơ thẩm: Chị Vũ Thị T chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị T và anh Nguyễn Văn T1 được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị T:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn T1.

1.2. Về con chung: Giao hai con chung là Nguyễn Phương L, sinh ngày 16/3/2011 và Nguyễn Thị Thảo N, sinh ngày 27/12/2012 cho anh Nguyễn Văn Trung trực T2 nuôi dưỡng cho đến khi hai con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con, chị Vũ Thị T và anh Nguyễn Văn T1 tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

1.3. Về tài sản chung: Chị Vũ Thị T và anh Nguyễn Văn T1 không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Vũ Thị T phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000944 ngày 13 tháng 12 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Vũ Thị T đã nộp đủ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Chị Vũ Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Anh Nguyễn Văn T1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND xã Đại Hợp, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Tuyến

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Trọng Tuấn

Nguyễn Thanh Hải

Nguyễn Xuân Tuyền

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Tuyến